

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Phương án tổ chức thực hiện việc hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 06 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 167/2018/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ quy định quy định việc hạn chế khai thác nước dưới đất;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1238/TTr-STNMT ngày 29 tháng 12 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Phương án tổ chức thực hiện việc hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Giao Thủ trưởng các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện các nội dung sau:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Tổ chức công bố Phương án tổ chức thực hiện việc hạn chế khai thác nước dưới đất trên các phương tiện thông tin đại chúng và đăng tải lên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh; thông báo tới các tổ chức, cá nhân khai thác nước dưới đất có công trình khai thác nước dưới đất thuộc vùng hạn chế khai thác nước dưới đất.

b) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân khai thác nước dưới đất có công trình khai thác nước dưới đất thuộc vùng hạn chế khai thác nước dưới đất thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất theo quy định.

c) Trên cơ sở Phương án tổ chức thực hiện việc hạn chế khai thác nước dưới đất, tổ chức việc thực hiện việc hạn chế khai thác nước dưới đất. Định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Sở Xây dựng

a) Căn cứ Phương án tổ chức thực hiện việc hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh đã được phê duyệt, tổ chức rà soát trình Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh quy hoạch cấp nước đô thị và khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Đảm bảo cung cấp nước cho các tổ chức, cá nhân bị thu hồi giấy phép khai thác nước dưới đất trong phạm vi quản lý.

b) Tổ chức, tuyên truyền vận động tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện Phương án tổ chức thực hiện việc hạn chế khai thác nước dưới đất, sử dụng hệ thống cấp nước sạch từ nước mặt do các đơn vị cấp nước cung cấp.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Căn cứ Phương án tổ chức thực hiện việc hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh đã được phê duyệt, tổ chức rà soát, cung cấp các thông tin liên quan gửi Sở xây dựng tổng hợp xây dựng Đề án cấp nước sạch tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2021 - 2025 trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, đồng thời phối hợp với Sở Xây dựng lập danh mục công trình cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tích hợp vào quy hoạch chung của tỉnh. Trong đó, ưu tiên sử dụng nước sạch nguồn nước mặt để cung cấp nước sạch nông thôn.

b) Tổ chức, tuyên truyền, vận động tổ chức, cá nhân khu vực nông thôn thực hiện phương án tổ chức thực hiện việc hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh đã được phê duyệt. Phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, đơn vị cấp nước nghiên cứu các giải pháp cung cấp nước cho các tổ chức, cá nhân bị thu hồi giấy phép khai thác nước dưới đất trong phạm vi quản lý.

4. Các sở, ban, ngành khác

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức tuyên truyền vận động công chức, viên chức, các đơn vị thuộc quyền quản lý thực hiện Phương án tổ chức thực hiện việc hạn chế khai thác nước dưới đất.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Biên Hòa và Long Khánh

Tổ chức, tuyên truyền thực hiện Phương án tổ chức thực hiện việc hạn chế khai thác nước dưới đất. Định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa, Giám đốc Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hoá Đồng Nai, Thủ trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử;
- Chánh, Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Văn Phi



PHƯƠNG ÁN HẠN CHẾ KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT

(Kèm theo Quyết định số 298 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

1. Nguyên tắc xây dựng Phương án hạn chế khai thác nước dưới đất

Việc hạn chế khai thác nước dưới đất dựa theo các nguyên tắc sau:

- a) Bảo đảm yêu cầu bảo vệ nguồn nước dưới đất, đồng thời phải bảo đảm hài hòa quyền, lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân có liên quan, bao gồm cả việc bồi thường thiệt hại, hoàn trả tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (nếu có) trong trường hợp bị thu hồi giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng theo quy định của pháp luật;
- b) Tuân thủ nghiêm ngặt các biện pháp hạn chế khai thác được áp dụng cụ thể đối với từng vùng, từng khu vực hạn chế và thứ tự thực hiện đối với từng đối tượng, trường hợp theo quy định của Nghị định số 167/2018/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ quy định quy định việc hạn chế khai thác nước dưới đất;
- c) Ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai;
- d) Thực hiện theo phương án, lộ trình phù hợp được phê duyệt, đảm bảo không gây gián đoạn việc cấp nước.
- đ) Đối với các trường hợp đặc biệt, căn cứ các quy định liên quan và tùy theo tình hình thực tế; Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý theo quy định.

2. Phương án hạn chế khai thác đối với Vùng hạn chế 1

a) Đối với các khu vực thuộc phạm vi các bãi rác, bãi chôn lấp chất thải, nghĩa trang (nghĩa địa) tập trung thì dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và xem xét, quyết định việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định.

b) Đối với các khu vực liền kề với các bãi rác, bãi chôn lấp chất thải, nghĩa trang (nghĩa địa) tập trung, ranh mặn các tầng chứa nước thì không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới và thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác sau:

- Trường hợp công trình không có giấy phép: Bên cạnh việc xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật còn phải dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định, trừ trường hợp công trình đang khai thác nước dưới đất để cấp nước cho các mục đích cấp nước sinh hoạt, cấp

nước phục vụ phòng chống thiên tai. Công trình đang khai thác nước dưới đất để cấp nước cho các mục đích cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng chống thiên tai thuộc trường hợp phải có giấy phép khai thác nước dưới đất nhưng không có giấy phép thì được xem xét, cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp công trình có giấy phép: được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép và chỉ xem xét gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng chống thiên tai nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.

Trên địa bàn tỉnh Đồng Nai hiện có 53 giếng khoan khai thác nước dưới đất thuộc đối tượng này. Danh mục các công trình này được thể hiện trong Phụ lục 1.

3. Phương án hạn chế khai thác đối với Vùng hạn chế 3

a) Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới;

b) Đối với công trình không có giấy phép thì dừng khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định, trừ trường hợp công trình khai thác để cấp nước cho sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng chống thiên tai thì được xem xét, cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;

c) Đối với công trình đã có giấy phép thì được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép và tiếp tục được xem xét cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép nếu đủ điều kiện được cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.

Trên địa bàn tỉnh Đồng Nai hiện có 84 giếng khoan khai thác nước dưới đất thuộc đối tượng này. Danh mục các công trình này được thể hiện trong Phụ lục 2.

4. Phương án hạn chế khai thác đối với Vùng hạn chế hỗn hợp

Việc áp dụng các biện pháp hạn chế đối với Vùng hạn chế hỗn hợp được xem xét, quyết định trên cơ sở các biện pháp hạn chế khai thác tương ứng với từng vùng hạn chế theo thứ tự từ vùng hạn chế 1, 2, 3. Cụ thể như sau:

- Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có, tiến hành trám lấp giếng khai thác theo quy định (đối với khu vực bãi rác, bãi chôn lấp chất thải rắn, nghĩa trang tập trung).

- Không cấp giấy phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới.

- Đối với công trình không có giấy phép: Dừng hoạt động khai thác, thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định; trừ công trình đang khai thác nước dưới đất phục vụ cấp nước cho sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai.

- Đối với công trình có giấy phép: Được tiếp tục khai thác đến hết thời gian hiệu lực của giấy phép và thực hiện biện pháp theo thứ tự sau:

+ Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép đối với công trình đang khai thác nước dưới đất phục vụ cấp nước cho sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai (Vùng hạn chế 1).

+ Tạm dừng khai thác theo quy định đối với các giếng có mực nước động vượt quá mực nước động cho phép và điều chỉnh chế độ khai thác hoặc giảm lưu lượng khai thác tại giếng đó cho phù hợp (Vùng hạn chế 2);

+ Tiếp tục được cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật tài nguyên nước (Vùng hạn chế 3).

Trên địa bàn tỉnh Đồng Nai hiện có 28 giếng khoan khai thác nước dưới đất thuộc đối tượng này. Danh mục các công trình này được thể hiện trong Phụ lục 3./.



Phụ lục I

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT THUỘC VÙNG HẠN CHẾ KHAI THÁC 1

(Kèm theo Quyết định số 298 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	Số hiệu giếng	Tọa độ		Vị trí		Tầng chứa nước	Chiều sâu giếng (m)	Lưu lượng khai thác (m³/ngày)	Số giấy phép	Năm cấp phép	Thời hạn cấp phép (năm)	Chủ giấy phép	Biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất
		X	Y	Xã	Huyện thị								
1	G3	1221090	443687	Suối Tre	Long Khánh	Bqp ₂	50	478	3540/GP-UBND	09/10/2017	3	Công ty CP Cấp nước Long Khánh	
2	G3	1207920	444401	P. Xuân Hòa	Long Khánh	Bqp ₂	105	100	3537/GP-UBND	09/10/2017	5	Công ty CP Cấp nước Long Khánh	
3	G3	1193185	445182	Xuân Tây	Cẩm Mỹ	J ₁₋₂	60	60	3158/GP-UBND	05/9/2018	2	Công ty TNHH Đầu tư Cao Sơn	
4	HG	1201863	443039	Hàng Gòn	Long Khánh	Bqp ₂	70	50	2752/GP-UBND	08/8/2017	5	Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai	
5	G1	1196315	459115	Xuân Tây	Cẩm Mỹ	Bn ₂ -qp ₁	60	85	3992/GP-UBND	07/11/2017	5	Bà Đàm Thị Đàm	
6	G2	1196341	459435	Xuân Tây	Cẩm Mỹ	Bn ₂ -qp ₁	60	85					
7	XD1	1195813	438507	Xuân Đường	Cẩm Mỹ	Bqp ₂	65	100	850/GP-UBND	22/3/2017	5	Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai	
8	XD2	1195812	438585	Xuân Đường	Cẩm Mỹ	Bqp ₂	65	100					
9	G1	1191096	442290	Xuân Mỹ	Cẩm Mỹ	Bqp ₂	100	120	4558/GP-UBND	18/12/2017	1	Công ty TNHH MTV TM Môi trường Thiên Phước	

STT	Số hiệu giếng	Tọa độ		Vị trí		Tầng chứa nước	Chiều sâu giếng (m)	Lưu lượng khai thác (m ³ /ngày)	Số giấy phép	Năm cấp phép	Thời hạn cấp phép (năm)	Chủ giấy phép	Biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất
		X	Y	Xã	Huyện thị								
10	G5	1191224	437631	Xuân Đường	Cẩm Mỹ	Bqp ₂	95	485	4369/GP-UBND	06/12/2017	2	BQL Khu Công nghệ cao Công nghệ sinh học tỉnh Đồng Nai	Tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép và chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình cấp nước (ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai) theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 3 Nghị định số 167/2018/NĐ-CP nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.
11	G1	1214769	436490	Quang Trung	Thống Nhất	Bqp ₂	70	30	3074/GP-UBND	01/9/2017	1	Công ty CP Môi trường Quốc Đại Thành	
12	G1	1202917	426879	Lộ 25	Thống Nhất	Bqp ₂ ; j ₁₋₂	84	223	4070/GP-UBND	14/11/2017	5	Trung tâm Nước sạch Vệ sinh môi trường nông thôn	
13	G2	1202827	426777	Lộ 25	Thống Nhất	Bqp ₂ ; j ₁₋₂	87	213					
14	G3	1203027	426938	Lộ 25	Thống Nhất	Bqp ₂ ; j ₁₋₂	84,5	218					
15	G4	1203097	426974	Lộ 25	Thống Nhất	Bqp ₂ ; j ₁₋₂	81,5	218					
16	HB1	1183501	421738	Phước Thái	Long Thành	n ₂	41	120	462/GP-UBND	05/02/2018	07 tháng	Công ty CP Ngõ Hân	
17	G1	1215180	395778	Bình Hòa	Vĩnh Cửu	k	70	45	3385/GP-UBND	26/9/2018	2	Công ty TNHH Header Plan	
18	G2	1215260	395820	Bình Hòa	Vĩnh Cửu	k	70	45					
19	G5	1242868	466908	Phú Thanh	Tân Phú	j ₁₋₂	45	30	3969/GP-UBND	09/11/2018	5	HKD Võ Thị Ánh Tuyết	
20	TP2	1186502	420217	Long Phước	Long Thành	n ₂	32	250	4155/GP-UBND	22/11/2018	2	Chi nhánh Công ty TNHH Đầu tư sản xuất phát triển Nông nghiệp Vineco Đồng Nai	
21	TP4	1186684	420437	Long Phước	Long Thành	n ₂	32	250	4155/GP-UBND	22/11/2018	2		
22	TP5	1186745	420418	Long Phước	Long Thành	n ₂	32	260			2		

STT	Số hiệu giếng	Tọa độ		Vị trí		Tầng chứa nước	Chiều sâu giếng (m)	Lưu lượng khai thác (m ³ /ngày)	Số giấy phép	Năm cấp phép	Thời hạn cấp phép (năm)	Chủ giấy phép	Biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất
		X	Y	Xã	Huyện thị								
23	TP6	1186925	420363	Long Phước	Long Thành	n ₂	32	250			2		
24	TP7	1186770	420105	Long Phước	Long Thành	n ₂	32	250			2		
25	TP9	1186800	420853	Long Phước	Long Thành	n ₂	32	300			2		
26	TP10	1186863	420843	Long Phước	Long Thành	n ₂	32	260			2		
27	HB1	1183501	421738	Phước Thái	Long Thành	n ₂	41	120	4407/GP-UBND	10/12/2018	2	Công ty CP Ngô Han	
28	GK1	1196481	458420	Xuân Đông	Cẩm Mỹ	Bn ₂ -qp ₁	44	70	851/GP-UBND	22/3/2019	2	Công ty TNHH An Phú Xuân	
29	GK2	1196610	458403	Xuân Đông	Cẩm Mỹ	Bn ₂ -qp ₁	44	60					
30	GK3	1196497	458253	Xuân Đông	Cẩm Mỹ	Bn ₂ -qp ₁	44	60					
31	G1	1214769	436490	Quang Trung	Thống Nhất	Bqp ₂	70	30	3243/GP-UBND	16/10/2019	1	Công ty CP Môi trường Quốc Đại Thành	
32	G1	1186423	416613	Long Phước	Long Thành	n ₂	36	60	4658/GP-UBND	25/12/2017	3	Công ty CP Ô tô Đô Thành	
33	G2	1186250	416608	Long Phước	Long Thành	n ₂	36	60					
34	G1	1216416	464753	Xuân Trường	Xuân Lộc	Bn ₂ -qp ₁ ; j ₁₋₂	50	100	1836/GP-UBND	05/6/2017	5	Công ty TNHH An Phát Tám	
35	NP1	1211463	466814	Xuân Trường	Xuân Lộc	j ₁₋₂	44	40	1625/GP-UBND	16/5/2017	5	Cơ sở Chăn nuôi Nhung Phương	
36	NP2	1211469	467112	Xuân Trường	Xuân Lộc	j ₁₋₂	44	30					

STT	Số hiệu giếng	Tọa độ		Vị trí		Tầng chứa nước	Chiều sâu giếng (m)	Lưu lượng khai thác (m ³ /ngày)	Số giấy phép	Năm cấp phép	Thời hạn cấp phép (năm)	Chủ giấy phép	Biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất
		X	Y	Xã	Huyện thị								
37	NP3	1211413	466957	Xuân Trường	Xuân Lộc	j ₁₋₂	44	30	42/GP-UBND	05/01/2018	3	Công ty TNHH Sa Hoàng	Tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép và chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình cấp nước (ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai) theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 3 Nghị định 167/2018/NĐ-CP nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.
38	G1	1217819	463698	Xuân Thành	Xuân Lộc	j ₁₋₂	90	45					
39	G2	1217949	463652	Xuân Thành	Xuân Lộc	j ₁₋₂	90	45					
40	TP1	1186476	420331	Long Phước	Long Thành	n ₂	32	250	4155/GP-UBND	22/11/2018	2	Chi nhánh Công ty TNHH Đầu tư sản xuất phát triển Nông nghiệp Vineco Đồng Nai	
41	TP3	1186451	420110	Long Phước	Long Thành	n ₂	32	250			2		
42	TP8	1186557	420856	Long Phước	Long Thành	n ₂	32	280			2		
43	G1	1219430	465357	Xuân Thành	Xuân Lộc	j ₁₋₂	60	65	137/GP-UBND	14/1/2019	2	Công ty TNHH MTV Nguyễn Toàn Tâm	
44	G2	1219451	465350	Xuân Thành	Xuân Lộc	j ₁₋₂	60	65					
45	G3	1219448	465362	Xuân Thành	Xuân Lộc	j ₁₋₂	60	65					
46	GK1	1221408	413496	Tân An	Vĩnh Cửu	j ₁₋₂	80	25	739/GP-UBND	13/3/2019	2	Công ty TNHH Trịnh Đăng Khôi	
47	G1	1207901	409522	Long Bình	Biên Hòa	j ₁₋₂	140	140	06/GP-UBND	10/1/2020	2	Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	
48	G1	1208288	433018	TT. Dầu Giây	Thống Nhất	Bqp ₂	65	300	4174/GP-UBND	23/12/2109	1	Công ty CP KCN Dầu Giây	
49	G2	1208438	433015	TT. Dầu Giây	Thống Nhất	Bqp ₂	65	300		23/12/2109	1		

STT	Số hiệu giếng	Tọa độ		Vị trí		Tầng chứa nước	Chiều sâu giếng (m)	Lưu lượng khai thác (m³/ngày)	Số giấy phép	Năm cấp phép	Thời hạn cấp phép (năm)	Chủ giấy phép	Biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất
		X	Y	Xã	Huyện thị								
50	G3	1208509	433014	TT. Dầu Giấy	Thống Nhất	Bqp ₂	80	300		23/12/2109	1		
51	G4	1208537	432854	TT. Dầu Giấy	Thống Nhất	Bqp ₂	80	300		23/12/2109	1		
52	G5	1208538	432704	TT. Dầu Giấy	Thống Nhất	Bqp ₂	80	300		23/12/2109	1		
53	G6	1208539	432577	TT. Dầu Giấy	Thống Nhất	Bqp ₂	80	300		23/12/2109	1		



Phụ lục II

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT THUỘC VÙNG HẠN CHẾ KHAI THÁC 3

(Kèm theo Quyết định số 298 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	Số hiệu giếng	Tọa độ		Vị trí		Tầng chứa nước	Chiều sâu giếng (m)	Lưu lượng khai thác (m³/ngày)	Số giấy phép	Năm cấp phép	Thời hạn cấp phép (năm)	Chủ giấy phép	Biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất
		X	Y	Xã	Huyện thị								
1	PT01	1204349	409182	Phước Tân	Biên Hòa	j ₁₋₂	61	25	2668/GP-UBND	01/8/2017	09/7/2020	Công ty CP Xây dựng Công trình Giao thông 610	Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép và tiếp tục được cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép nếu đủ điều kiện được cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.
2	G1	1212836	419792	Sông Trầu	Trảng Bom	j ₁₋₂	70	20	371/GP-UBND	29/01/2019	2	Công ty TNHH Hưng Dũng Phát	
3	G2	1212839	419893	Sông Trầu	Trảng Bom	j ₁₋₂	70	10	3246/GP-UBND	16/10/2019	2	Công ty CP Đầu tư Xây dựng số 5	
4	G1	1216550	434445	Quang Trung	Thống Nhất	Bqp ₂	45	50	3246/GP-UBND	16/10/2019	2	Công ty CP Đầu tư Xây dựng số 5	
5	ST1	1210270	440814	Suối Tre	Long Khánh	Bqp ₂	65	60	2754/GP-UBND	08/8/2017	5	Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai	
6	ST2	1211354	441337	Suối Tre	Long Khánh	Bqp ₂	130	300					
7	DG	1209650	432969	Bàu Hàm 2	Thống Nhất	Bqp ₂	80	40					
8	BL1	1216285	437949	Xuân Thiện	Thống Nhất	Bqp ₂	60	80					
9	G1	1194751	419404	Bình Sơn	Long Thành	n ₂	36	40	2773/GP-UBND	08/8/2017	3	Công ty TNHH Quốc tế Xin Guan Xing Việt Nam	
10	G2	1194733	419460	Bình Sơn	Long Thành	n ₂	36	40					
11	G3	1194726	419714	Bình Sơn	Long Thành	n ₂	36	40					
12	GK	1205673	410082	Phước Tân	Biên Hòa	j ₁₋₂	50	20	2669/GP-UBND	08/01/2017	5	Liên hiệp HTX Dịch vụ Nông nghiệp tổng hợp Đồng Nai	
13	SZ1	1178463	421714	Phước Thái	Long Thành	n ₂	50	320	2579/GP-UBND	08/8/2017	3	Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	
14	LTCONG	1194197	415753	Lộc An	Long Thành	n ₂	32	20	2776/GP-UBND	08/8/2017	2	Công ty TNHH Sản xuất TMDV Long Thành Công	

STT	Số hiệu giếng	Tọa độ		Vị trí		Tầng chứa nước	Chiều sâu giếng (m)	Lưu lượng khai thác (m ³ /ngày)	Số giấy phép	Năm cấp phép	Thời hạn cấp phép (năm)	Chủ giấy phép	Biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất
		X	Y	Xã	Huyện thị								
15	BV01	1202769	409012	Phước Tân	Biên Hòa	n ₂	40	140	855/GP-UBND	22/3/2017	5	Bệnh viện Phổi tỉnh Đồng Nai	Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép và tiếp tục được cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép nếu đủ điều kiện được cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước
16	G1	1197697	407762	Tam Phước	Biên Hòa	n ₂	11	12,5	4175/GP-UBND	17/11/2017	3	Công ty SX TM XK Thanh Ngọc	
17	G2	1197686	407752	Tam Phước	Biên Hòa	n ₂	11	12,5	4175/GP-UBND	17/11/2017	3	Công ty SX TM XK Thanh Ngọc	
18	G1	1200908	409042	Tam Phước	Biên Hòa	n ₂	36	50	3989/GP-UBND	07/11/2017	3	Công ty CP Thiên Đức STAV	
19	G1	1189737	455919	Sông Ray	Cẩm Mỹ	Bn ₂ -qp ₁	60	60	1550/GP-UBND	12/5/2017	5	Công ty TNHH MTV Châu Phúc Thịnh	
20	G2	1189617	455954	Sông Ray	Cẩm Mỹ	Bn ₂ -qp ₁	60	60					
21	G3	1189592	455972	Sông Ray	Cẩm Mỹ	Bn ₂ -qp ₁	60	60					
22	G1	1191236	437308	Xuân Đường	Cẩm Mỹ	Bqp ₂	95	485	4369/GP-UBND	06/12/2017	2	BQL Khu Công nghệ cao Công nghệ sinh học tỉnh Đồng Nai	
23	G3	1191240	437292	Xuân Đường	Cẩm Mỹ	Bqp ₂	95	485					
24	G6	1191086	437321	Xuân Đường	Cẩm Mỹ	Bqp ₂	95	475					
25	TCR-1	1178228	421331	Phước Thái	Long Thành	n ₂	27,5	160	1326/GP-UBND	20/4/2017	2	Công ty Cp công nghiệp Gôm sứ Taicera	
26	TCR-2	1178253	421353	Phước Thái	Long Thành	n ₂	26	160					
27	G1	1179910	420542	Phước Thái	Long Thành	n ₂	52	450	858/GP-UBND	22/3/2017	5	Công ty TNHH Kim Nhật	
28	G2	1179714	420545	Phước Thái	Long Thành	n ₂	52	450					
29	G1	1181792	419334	Phước Thái	Long Thành	n ₂	18	25	4435/GP-UBND	08/12/2017	3	Công ty TNHH MTV Phan Kim	
30	G2	1181796	419330	Phước Thái	Long Thành	n ₂	18	25					
31	GK1	1182953	400614	Vĩnh Thanh	Nhơn Trạch	n ₂	56	60	1178/GP-UBND	13/4/2017	5	Công ty CP Dược Apimed	

STT	Số hiệu giếng	Tọa độ		Vị trí		Tầng chứa nước	Chiều sâu giếng (m)	Lưu lượng khai thác (m³/ngày)	Số giấy phép	Năm cấp phép	Thời hạn cấp phép (năm)	Chủ giấy phép	Biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất
		X	Y	Xã	Huyện thị								
32	G4	1224028	422165	Vĩnh An	Vĩnh Cửu	j ₁₋₂	60	30	1564/GP-UBND	09/5/2018	2	DNTN Liên Tiến	Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép và tiếp tục được cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép nếu đủ điều kiện được cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước
33	G1	1183234	400771	Phú Thạnh	Nhơn Trạch	n ₂	60	20	1074/GP-UBND	26/3/2018	6 tháng	Công ty TNHH MTV HG ENC	
34	LK1	1199497	409571	Tam Phước	Biên Hòa	n ₂	60	20	3858/GP-UBND	01/11/2018	5 tháng	Công ty TNHH Thương mại DV Bảo	
35	G1	1209173	410865	Phước Tân	Biên Hòa	j ₁₋₂	70	100	3651/GP-UBND	18/10/2018	2	Công ty VMEP	
36	G2	1209139	410884	Phước Tân	Biên Hòa	j ₁₋₂	70	100					
37	G1	1240408	458164	Ngọc Định	Định Quán	j ₁₋₂	70	15	3499/GP-UBND	04/10/2018	2	Công ty TNHH A.V.E.R	
38	G1	1181573	419682	Phước Thái	Long Thành	n ₂	41	30	2687/GP-UBND	31/7/2018	1	Cty TNHH Indo-Chine Việt Nam	
39	G2	1181587	419696	Phước Thái	Long Thành	n ₂	41	10					
40	G1	1181593	419751	Phước Thái	Long Thành	n ₂	30	19,2	4370/GP-UBND	06/12/2018	2	Công ty TNHH Myung Sung Vina	
41	G2	1181586	419751	Phước Thái	Long Thành	n ₂	30	96					
42	G1	1225742	436247	Phú Cường	Định Quán	j ₁₋₂	100	400	368/GP-UBND	29/01/2019	5 tháng	Công ty CP Đồng Phú Bình	
43	G2	1225871	436485	Phú Cường	Định Quán	j ₁₋₂	100	400					
44	G1	1240938	454372	Ngọc Định	Định Quán	j ₁₋₂	60	15	936/GP-UBND	28/3/2019	2	Công ty TNHH Nông nghiệp Việt Hà	
45	G2	1240929	454396	Ngọc Định	Định Quán	j ₁₋₂	60	20					
46	G3	1240921	454486	Ngọc Định	Định Quán	j ₁₋₂	60	20					
47	G4	1240977	454391	Ngọc Định	Định Quán	j ₁₋₂	60	20					
48	G5	1240926	454420	Ngọc Định	Định Quán	j ₁₋₂	60	20					
49	G1	1197381	412383	An Phước	Long Thành	n ₂	26	3	3308/GP-UBND	18/10/2019	2	DNTN Gạch Tuynen Tân An Phước	
50	G2	1197818	412445	An Phước	Long Thành	n ₂	26	6					
51	G3	1197841	412441	An Phước	Long Thành	n ₂	26	3					
52	LK01	1199497	409571	Tam Phước	Biên Hòa	n ₂	60	20	2891/GP-UBND	31/3/2019	1	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Bảo	

STT	Số hiệu giếng	Tọa độ		Vị trí		Tầng chứa nước	Chiều sâu giếng (m)	Lưu lượng khai thác (m³/ngày)	Số giấy phép	Năm cấp phép	Thời hạn cấp phép (năm)	Chủ giấy phép	Biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất
		X	Y	Xã	Huyện thị								
53	G1	1225742	436247	Phú Cường	Định Quán	j ₁₋₂	100	400	4177/GP-UBND	23/12/2019	0,5	Công ty CP Đồng Phú Bình	Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép và tiếp tục được cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép nếu đủ điều kiện được cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.
54	G2	1225871	436485	Phú Cường	Định Quán	j ₁₋₂	100	400					
55	TD1	1199351	409171	Tam Phước	Biên Hòa	n ₂	38	200	4225/GP-UBND	26/12/2019	1	Công ty CP Trung Đông	
56	TD2	1199515	409147	Tam Phước	Biên Hòa	n ₂	43	200					
57	GK1	1204178	411129	Phước Tân - Tam Phước	Biên Hòa	j ₁₋₂	60	30	3683/GP-UBND	13/11/2019	2	Hợp tác xã An Phát	
58	ĐVT1	1197853	412227	An Phước	Long Thành	n ₂	60	135	4090/GP-UBND	12/12/2019	2	Công ty CP Đồng Việt Thành	
59	ĐVT2	1197730	412175	An Phước	Long Thành	n ₂	37	60					
60	GK1	1200238	412467	An Phước	Long Thành	j ₁₋₂	30	5	4089/GP-UBND	12/12/2019	2	Công ty TNHH Hân Triển	
61	G2	1220103	420778	Vĩnh Tân	Vĩnh Cửu	j ₁₋₂	60	2,5	49/GP-UBND	10/3/2020	2	Hộ Kinh doanh Phạm Hoàng Thư	
62	G3	1220056	420742	Vĩnh Tân	Vĩnh Cửu	j ₁₋₂	60	2,5					
63	G4	1220012	420791	Vĩnh Tân	Vĩnh Cửu	j ₁₋₂	60	2,5					
64	GK01	1219268	402632	Thiện Tân	Vĩnh Cửu	j ₁₋₂	50	15	4729/GP-UBND	27/12/2017	1	HTX DV Vận tải Khai khoáng Thăng Long	
65	GK02	1219146	402678	Thiện Tân	Vĩnh Cửu	j ₁₋₂	50	15					
66	G1	1215443	408886	Hồ Nai 3	Trảng Bom	qp ₁ ; j ₁₋₂	60	10	2539/GP-UBND	24/7/2017	3	Công ty TNHH Dương Hải Phát	
67	G2	1215345	408847	Hồ Nai 3	Trảng Bom	qp ₁ ; j ₁₋₂	60	10					
68	GK1	1177819	420222	Phước Thái	Long Thành	n ₂	39	475	1626/GP-UBND	16/5/2017	5	Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC Vina	
69	GK2	1177805	420321	Phước Thái	Long Thành	n ₂	39	475					
70	G1	1186003	400724	Phú Thạnh	Nhon Trạch	n ₂	45	20	1622/GP-UBND	16/5/2017	2	Công ty CP Đầu tư Nhon Trạch	
71	G1	1200707	471456	Xuân Hưng	Xuân Lộc	j ₁₋₂	60	100	1551/GP-UBND	12/5/2017	5	Công ty TNHH An Phát Tâm	
72	G2	1202694	468430	Xuân Hưng	Xuân Lộc	j ₁₋₂	60	100					
73	G1	1198442	475893	Xuân Hưng	Xuân Lộc	j ₁₋₂	45	80	1549/GP-UBND	12/5/2017	5	Công ty TNHH An Phát Tiến	

STT	Số hiệu giếng	Tọa độ		Vị trí		Tầng chứa nước	Chiều sâu giếng (m)	Lưu lượng khai thác (m³/ngày)	Số giấy phép	Năm cấp phép	Thời hạn cấp phép (năm)	Chủ giấy phép	Biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất
		X	Y	Xã	Huyện thị								
74	G1	1215144	414468	Hố Nai 3	Trảng Bom	j ₁₋₂	50	116	1952/GP-UBND	08/6/2018	2	Công ty TNHH Emivest Feedmill Việt Nam	
75	G1	1224048	422281	Vĩnh An	Vĩnh Cửu	j ₁₋₂	60	30	1564/GP-UBND	09/5/2018	2	DNTN Liên Tiến	
76	G3	1223946	422241	Vĩnh An	Vĩnh Cửu	j ₁₋₂	60	30					
77	GK1	1255168	465547	Núi Tượng	Tân Phú	j ₁₋₂	70	60	881/GP-UBND	7/3/2018	5	Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Lê Mai	
78	GK2	1255160	465799	Núi Tượng	Tân Phú	j ₁₋₂	60	60					
79	GK3	1254882	465862	Núi Tượng	Tân Phú	j ₁₋₂	70	60					
80	EM01	1213411	412372	Hố Nai 3	Trảng Bom	j ₁₋₂	100	25	2684/GP-UBND	31/7/2018	1	Công ty TNHH Emivest Feedmill Việt Nam - Chi nhánh chăn nuôi tại Đồng Nai	
81	EM02	1213426	412354	Hố Nai 3	Trảng Bom	j ₁₋₂ ; qP ₁	75	25		31/7/2018	1		
82	GK2	1213417	413569	Tân An	Vĩnh Cửu	j ₁₋₂	80	25	739/GP-UBND	13/3/2019	2	Công ty TNHH Trịnh Đăng Khôi	
83	G1	1217689	405642	Thiện Tân	Vĩnh Cửu	j ₁₋₂	43	50	3242/GP-UBND	21/10/2019	2	Công ty TNHH H.A.V.A.S	
84	G1	1220082	420829	Vĩnh Tân	Vĩnh Cửu	j ₁₋₂	60	2,5	49/GP-UBND	10/3/2020	2	Hộ Kinh doanh Phạm Hoàng Thu	



Phụ lục III

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT THUỘC VÙNG HẠN CHẾ KHAI THÁC HỒN HỢP 1 VÀ 3

(Kèm theo Quyết định số **298** /QĐ-UBND ngày **26 tháng 01** năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	Số hiệu giếng	Tọa độ		Vị trí		Tầng chứa nước	Chiều sâu giếng (m)	Lưu lượng khai thác (m ³ /ngày)	Số giấy phép	Năm cấp phép	Thời hạn cấp phép (năm)	Chủ giấy phép	Biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất
		X	Y	Xã	Huyện thị								
1	G1	1216979	402305	Thiện Tân (Cụm CN Thiện Phú)	Vĩnh Cửu	j ₁₋₂	40	20	2685/GP-UBND	31/7/2018	2	Công ty TNHH Huỳnh Lê	Được xem xét, quyết định trên cơ sở các biện pháp hạn chế khai thác tương ứng với từng vùng hạn chế theo thứ tự từ vùng hạn chế 1 và 3
2	TD	1215736	401645	Trảng Dài	Biên Hòa	qp ₂₋₃	38	10	2856GP-UBND	13/8/2018	3	Công ty CP Môi trường Sonadezi	
3	BS1	1193950	419152	Bình Sơn	Long Thành	n ₂	35	120	2772/GP-UBND	8/8/2017	5	Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai	
4	BS2	1193445	419649	Bình Sơn	Long Thành	n ₂	15,2	10					
5	G2	1191246	437468	Xuân Đường	Cẩm Mỹ	Bqp ₂	95	485	4369/GP-UBND	6/12/2017	2	BQL Khu Công nghệ cao Công nghệ sinh học tỉnh Đồng Nai	
6	G4	1191437	437475	Xuân Đường	Cẩm Mỹ	Bqp ₂	95	485					
7	G4	1207154	443647	P. Xuân Trung	Long Khánh	Bqp ₂	70	100	3537/GP-UBND	9/10/2017	5	Công ty CP Cấp nước Long Khánh	
8	GK1	1223759	436187	Gia Tân 1	Thống Nhất	j ₁₋₂	50	50	3538/GP-UBND	9/10/2017	1	Công ty TNHH TMSX May mặc Phú Khang	
9	GK2	1223746	436166	Gia Tân 1	Thống Nhất	j ₁₋₂	50	15					
10	G2	1217135	402339	Thạnh Phú	Vĩnh Cửu	j ₁₋₂	40	20	3526/GP-UBND	9/10/2017	1	Công ty TNHH Huỳnh Lê	Được xem xét, quyết định trên cơ sở các biện pháp hạn chế khai thác tương ứng với từng vùng hạn chế theo thứ tự từ vùng hạn chế 1 và 3
11	G3	1217206	402303	Thạnh Phú	Vĩnh Cửu	j ₁₋₂	40	20					
12	G1	1223227	421456	Cây Gáo	Vĩnh Cửu	j ₁₋₂	60	20	1097/GP-UBND	28/3/2018	1	Công ty TNHH MTV Thăng Đại Dương	
13	G2	1223159	421627	Cây Gáo	Vĩnh Cửu	j ₁₋₂	60	20					
14	G3	1223265	421854	Cây Gáo	Vĩnh Cửu	j ₁₋₂	60	30					
15	G4	1223498	421145	Cây Gáo	Vĩnh Cửu	j ₁₋₂	60	30					
16	G2	1217135	402339	Cụm CN Thiện Phú-Thiện Tân	Vĩnh Cửu	j ₁₋₂	40	20	2685/GP-UBND	31/7/2018	2	Công ty TNHH Huỳnh Lê	

STT	Số hiệu giếng	Tọa độ		Vị trí		Tầng chứa nước	Chiều sâu giếng (m)	Lưu lượng khai thác (m³/ngày)	Số giấy phép	Năm cấp phép	Thời hạn cấp phép (năm)	Chủ giấy phép	Biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất
		X	Y	Xã	Huyện thị								
17	G3	1217206	402303	Cụm CN Thiện Phú - Thiện Tân	Vĩnh Cửu	j ₁₋₂	40	20	2685/GP-UBND	31/7/2018	2	Công ty TNHH Huỳnh Lê	
18	KP1	1217826	402426	Thiện Tân	Vĩnh Cửu	Bqp ₃ ; j ₁₋₂	30	60	1548/GP-UBND	12/5/2017	5	Công ty TNHH SXTM Nhựa Phong Nguyên	
19	KP2	1217867	402562	Thiện Tân	Vĩnh Cửu	Bqp ₃ ; j ₁₋₂	30	60					
20	G2	1223916	422356	Vĩnh An	Vĩnh Cửu	j ₁₋₂	60	30	1564/GP-UBND	9/5/2018	2	DNTN Liên Tiến	
21	G1	1217380	402476	Thanh Phú	Vĩnh Cửu	j ₁₋₂	100	35	3739/GP-UBND	25/10/2018	2	Công ty TNHH Sản xuất Vina German	
22	DK1	1217596	402508	Thiện Tân	Vĩnh Cửu	j ₁₋₂	40	30	3190/GP-UBND	6/9/2018	4 tháng	Công ty Cổ phần TMDV Năng lượng Mới Đồng Nai	
23	KT	1222528	422965	Vĩnh Tân	Vĩnh Cửu	Bqp ₃ ; j ₁₋₂	70	30	3990/GP-UBND	7/11/2018	1	Công ty CP Môi trường Sonadezi	
24	G1	1217955	402682	Thiện Tân	Vĩnh Cửu	j ₁₋₂	26	40	3510/GP-UBND	23/9/2019	2	Công ty TNHH Thành Phú Phát	
25	G2	1217954	402747	Thiện Tân	Vĩnh Cửu	j ₁₋₂	26	40					
26	G3	1217856	402758	Thiện Tân	Vĩnh Cửu	j ₁₋₂	26	40					
27	G1	1217798	402761	CCN Thanh Phú - Thiện Tân	Vĩnh Cửu	j ₁₋₂	47	25	31/GP-UBND	24/2/2020	2	Công ty TNHH Nội thất Vạn Thịnh Phát	
28	G2	1217812	402765	CCN Thanh Phú - Thiện Tân	Vĩnh Cửu	j ₁₋₂	50	25					